

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,00 điểm) Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. Nghề nghiệp là gì?

- A. Là các công việc không được xã hội công nhận, được xã hội công nhận và gắn bó lâu dài với mỗi người.
- B. Là tập hợp các công việc trong một lĩnh vực hoạt động lao động, được xã hội công nhận và gắn bó lâu dài với mỗi người.
- C. Là các hoạt động không cần đào tạo, không được xã hội công nhận và gắn bó một thời gian với mỗi người.
- D. Tập hợp các công việc không mang lại lợi ích cho cộng đồng, chỉ phục vụ bản thân.

Câu 2. Tại sao việc lựa chọn đúng nghề nghiệp được coi là quan trọng đối với mỗi người?

- A. Chỉ để đảm bảo có nguồn thu nhập.
- B. Để có thêm thời gian cho bản thân.
- C. Để phát triển nghề nghiệp.
- D. Đảm bảo hạnh phúc và chất lượng cuộc sống.

Câu 3. Sản phẩm của ngành nghề kỹ thuật, công nghệ **không** bao gồm

- A. Ô tô.
- B. Nước cam.
- C. Máy tính.
- D. Máy bay.

Câu 4. Giáo dục mầm non gồm:

- A. Giáo dục tiểu học.
- B. Giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo.
- C. Giáo dục trung học cơ sở và giáo dục phổ thông.
- D. Trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.

Câu 5. Người tốt nghiệp đại học có thể học tiếp lên trình độ:

- A. Trung học phổ thông.
- B. Thạc sĩ, tiến sĩ.
- C. Cao đẳng.
- D. Trung cấp.

Câu 6. Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bao nhiêu năm học?

- A. 4.
- B. 3.
- C. 6.
- D. 5.

Câu 7. Người lao động trong thị trường lao động sẽ làm việc dưới sự điều hành của ai?

- A. Chính phủ.
- B. Người sử dụng lao động.
- C. Công đoàn.
- D. Hiệp hội doanh nghiệp.

Câu 8. Số lượng lao động mà người sử dụng lao động có thể tuyển dụng được gọi là

- A. Nguồn cung lao động.
- B. Nhu cầu lao động.
- C. Chuyển dịch cơ cấu.
- D. Người lao động.

Câu 9. Thị trường lao động có sự chuyển dịch cơ cấu như thế nào cùng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ?

- A. Tăng tỉ lệ người lao động trong lĩnh vực công nghiệp.
- B. Giảm tỉ lệ người lao động trong lĩnh vực công nghiệp.
- C. Tăng tỉ lệ người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.
- D. Cân bằng tỉ lệ người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và các lĩnh vực khác.

Câu 10. Chất lượng nguồn lao động của Việt Nam vẫn còn một số hạn chế nào dưới đây?

- A. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nghề còn cao.
- B. Kỹ năng hợp tác còn tốt.
- C. Năng lực chuyên môn chưa cao.
- D. Kinh nghiệm việc làm còn cao.

Câu 11. Phân bố nguồn lao động Việt Nam chưa đồng đều **không** do:

- A. Điều kiện sinh hoạt.
- B. Thời tiết.
- C. Điều kiện giáo dục.
- D. Vị trí địa lí.

Câu 12. Đặc điểm nào dưới đây mô tả kiểu người Nghệ thuật?

- A. Thích sự chính xác, các hoạt động nghiên cứu.
- B. Thích thực hiện công việc theo hướng dẫn rõ ràng, hoạt động có tổ chức.
- C. Tự tin, thích hùng biện và những hoạt động mang tính thuyết phục người khác.
- D. Thích các hoạt động cho phép dùng trí tưởng tượng, tự do, sáng tạo,...

Câu 13. Nếu lựa chọn nghề nghiệp theo phần quả, không phù hợp với khả năng, sở thích của bản thân thì điều gì sẽ xảy ra?

- A. Dễ dàng được tuyển dụng vào vị trí thích hợp.
- B. Khó phát triển nghề nghiệp, thiếu động lực và hứng thú làm việc.
- C. Môi trường làm việc tốt và được nhiều người tôn trọng.
- D. Cơ hội tìm việc làm cao và lương cao.

Câu 14. Lí thuyết mật mã Holland được xây dựng trên nền tảng lí thuyết đặc tính nghề nghiệp của ai?

- A. John Lewis Holland.
- B. Phan Đình Diệu.
- C. Vũ Đình Hịa.
- D. Humphry Davy.

Câu 15. Theo mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp, phần quả không bao gồm:

- A. Môi trường làm việc tốt.
- B. Cơ hội việc làm.
- C. Giá trị nghề nghiệp.
- D. Công việc ổn định.

Câu 16. Những người quyết tâm chọn nghề nghiệp phù hợp với “rễ” sẽ thu được những gì?

- A. Có nhiều khả năng thu được những “quả ngọt” trong hoạt động nghề nghiệp.
- B. Cơ hội kiếm việc làm và môi trường làm việc không tốt.
- C. Không được nhiều người tôn trọng, lương thấp.
- D. Thiếu động lực và hứng thú làm việc.

Câu 17. Công việc của nghề Lập trình viên là:

- A. Xây dựng phần mềm, ứng dụng mới bằng các ngôn ngữ lập trình thích hợp.
- B. Xây dựng, kiểm soát và đảm bảo vận hành mạng máy tính.
- C. Kiểm soát, hỗ trợ các hệ thống công nghệ thông tin.
- D. Thiết kế, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm.

Câu 18. Nghề nào phù hợp với người biết đọc các bản vẽ/bản vẽ thiết kế?

- A. Nhà nghiên cứu sử học.
- B. Nhân viên tư vấn.
- C. Đầu bếp.
- D. Kỹ sư xây dựng.

Đọc các tình huống dưới đây và trả lời các câu hỏi:

- *Tình huống 1: Trong những năm học phổ thông, H học tốt môn Toán và các môn về khoa học tự nhiên. H thích làm việc máy móc và theo học ngành kĩ thuật điện. Sau khi tốt nghiệp đại học, H được nhận vào làm việc tại một công ty sản xuất thiết bị điện. H yêu thích và luôn hoàn thành tốt công việc của mình nên được công ty giao nhiều nhiệm vụ quan trọng.*

- *Tình huống 2: R có khả năng về hội họa, thích sự tự do, sáng tạo và có ý định theo học ngành mỹ thuật. Nhưng gia đình T có nhiều người làm kế toán lại muốn T theo học ngành kế toán vì dễ xin việc, công việc ổn định và lương cao. Sau khi tốt nghiệp ngành kế toán, T xin làm kế toán tại một công ty. Tuy nhiên một thời gian sau, T cảm thấy mệt mỏi vì công việc khá đơn điệu, nhàm chán, toàn con số khô khan. T muốn đổi sang một nghề khác.*

Câu 19. H đã chọn nghề theo phần nào của mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp?

- A. Phần thân.
- B. Phần lá.
- C. Phần rễ.
- D. Phần quả.

Câu 20. T đã chọn nghề theo phần nào của mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp?

- A. Phần quả.
- B. Phần rễ.
- C. Phần thân.
- D. Phần lá.

Câu 21. Yếu tố nào dưới đây là yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Năng lực của bản thân.

B. Nhu cầu của xã hội.

C. Sở thích của bản thân.

D. Cá tính của bản thân.

Câu 22. Tại sao nhu cầu xã hội là một yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

A. Vì nhu cầu lao động không liên quan đến sở thích, cá tính của cá nhân, ảnh hưởng gián tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

B. Vì nhu cầu xã hội không thay đổi theo thời gian, ảnh hưởng gián tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

C. Vì nhu cầu xã hội chỉ phản ánh thị trường lao động hiện tại và ảnh hưởng trực tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

D. Vì nhu cầu xã hội luôn biến đổi không ngừng và ảnh hưởng trực tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

Câu 23. Chọn phát biểu **sai** về cá tính của người phù hợp với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

A. Thông minh, sáng tạo.

B. Làm việc thẳng thắn, trung thực.

C. Cẩn thận, đúng quy trình.

D. Say mê giải quyết vấn đề kỹ thuật.

Câu 24. Tại sao sở thích là yếu tố được quan tâm khi đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp?

A. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ mang lại niềm vui, giúp nhận biết được năng lực bản thân trong quá trình làm việc.

B. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ mang lại niềm vui, hình thành sự đam mê với công việc, làm việc hiệu quả và thành công với nghề nghiệp đã chọn.

C. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ mang lại niềm vui, giúp cá nhân thích nghi với môi trường làm việc.

D. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ hình thành sự đam mê, thích nghi với công việc.

Câu 25. Tại sao phải tìm hiểu thị trường lao động?

A. Để biết được ở địa phương, trong nước, trong khu vực,... đang có những nghề nghiệp nào được xem là có tiềm năng, có giá trị nghề nghiệp cao trong tương lai.

B. Để biết được ở địa phương, trong nước, trong khu vực,... đang có những nghề nghiệp nào được xem là có tiềm năng, có giá trị nghề nghiệp ở quá khứ.

C. Để xem xét các yếu tố phù hợp với tính cách của bản thân, đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho mình.

D. Để nghiên cứu, phân tích các yếu tố và xem xét sự phù hợp giữa năng lực, sở thích của bản thân với nhu cầu thị trường.

Câu 26. Yếu tố nào dưới đây **không** phải là yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

A. Bối cảnh gia đình.

B. Cá tính của bản thân.

C. Định hướng của nhà trường.

D. Sự tác động của bạn bè.

Câu 27. Yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả làm việc đối với nghề nghiệp đã lựa chọn?

A. Cá tính của bản thân.

B. Bối cảnh gia đình.

C. Nhu cầu xã hội.

D. Định hướng của nhà trường.

Câu 28. Chọn phát biểu **sai** về sở thích của người phù hợp với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

A. Ưu thích làm việc với máy móc.

B. Say mê tìm tòi về kỹ thuật.

C. Thực hiện các công việc tỉ mỉ.

D. Ưu thích làm việc với thiết bị.

Câu 29. (1,00đ) Nếu em có năng lực về khoa học và công nghệ nhưng không thực sự đam mê lĩnh vực này, em có nên lựa chọn nghề nghiệp liên quan đến kỹ thuật, công nghệ không? Hãy giải thích lý do và đưa ra quyết định cuối cùng dựa trên quy trình lựa chọn nghề.

Câu 30. (2,00đ) Em hãy nêu ý nghĩa lý thuyết cây nghề nghiệp.

Câu 30. (2,00đ) Em hãy nêu ý nghĩa lí thuyết cây nghề nghiệp.

A. TRẮC NGHIỆM:

[illegible]

B. TỰ LUẬN:

[illegible]

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN CÔNG NGHỆ 9, NĂM HỌC 2024 - 2025**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,00 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	D	B	B	B	A	B	B	A	C	B	D	B	A
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	A	A	D	C	A	B	D	D	B	A	B	A	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,00 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 29 (1,00đ)	- Dù em có năng lực về khoa học và công nghệ, nhưng nếu em không có đam mê, việc theo đuổi nghề này có thể khiến em cảm thấy thiếu hứng thú và khó duy trì động lực lâu dài.	0,50đ
	- Theo quy trình lựa chọn nghề, em cần tìm hiểu kỹ và cân nhắc lại trước khi ra quyết định cuối cùng, vì một công việc không dựa trên sở thích và đam mê có thể gây ra sự chán nản trong tương lai.	0,50 đ
Câu 30 (2,00đ)	- Lí thuyết cây nghề nghiệp giúp các em định hướng lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai phù hợp với khả năng, sở thích và cá tính của bản thân	1,00 đ
	- Giúp các em trong việc lựa chọn nhóm môn học ở trung học phổ thông phù hợp với lĩnh vực nghề nghiệp mà bản thân dự định lựa chọn.	1,00 đ

(Điểm toàn bài được làm tròn như hiện hành)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
Năm học 2024-2025
MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 9

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối kì I

- **Nội dung:**

Nửa đầu HK1

- + Bài 1: Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (3 tiết)
- + Bài 2: Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân (2 tiết)
- + Bài 3: Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam (hết tiết 2 của bài 3)

Nửa sau HKI

- + Bài 3: Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam (tiết 3 của bài 3)
- + Bài 4: Lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp (3 tiết)
- + Bài 5: Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (2 tiết)

- **Thời gian làm bài:** 45 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- **Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
- + Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, (gồm 28 câu hỏi: nhận biết: 16 câu, thông hiểu: 12 câu), mỗi câu 0,25 điểm).
- + Phần tự luận: 3,0 điểm (Nhận biết: 0,00 điểm; Thông hiểu: 0,00 điểm; Vận dụng: 2,00 điểm; Vận dụng cao: 1,00 điểm).
- + Nội dung: 15 tuần của HKI: 100% (10,0 điểm)
- + Kiến thức nửa đầu HK1= 30% (3,00 điểm), nửa sau HKI = 70% (7,00 điểm)

	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng		% Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số CH	Thời	

TT	kiến thức		Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL	gian	điểm
1	Định hướng nghề nghiệp	Bài 1: Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (3 tiết)	3	3							3		3	0,75 đ
		Bài 2: Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân (2 tiết)	3	3							3		3	0,75 đ
		Bài 3: Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam (hết tiết 2 của bài 3)	2	2	3	3					5		5	1,25 đ
		Bài 4: Lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp (3 tiết)	1	9	4	4	4	4			8	1	17	4,00 đ
		Bài 5: Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (2 tiết)			5	5	4	4	1	8	9	1	17	3,25 đ
Tổng			9	18	12	12	8	8	1	8	28	2	45	10
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10					
Tỉ lệ chung (%)			70				30							

Ninh Đông, ngày 20/12/2024

Duyệt CM

Người ra đề

Đoàn Thanh Long

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
Năm học 2024-2025
MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 9

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối kì I

- **Nội dung:**

Nửa đầu HKI

- + Bài 1: Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (3 tiết)
- + Bài 2: Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân (2 tiết)
- + Bài 3: Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam (hết tiết 2 của bài 3)

Nửa sau HKI

- + Bài 3: Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam (tiết 3 của bài 3)
- + Bài 4: Lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp (3 tiết)
- + Bài 5: Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (2 tiết)

- **Thời gian làm bài:** 45 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- **Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
- + Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, (gồm 28 câu hỏi: nhận biết: 16 câu, thông hiểu: 12 câu), mỗi câu 0,25 điểm).
- + Phần tự luận: 3,0 điểm (Nhận biết: 0,00 điểm; Thông hiểu: 0,00 điểm; Vận dụng: 2,00 điểm; Vận dụng cao: 1,00 điểm).
- + Nội dung: 15 tuần của HKI: 100% (10,0 điểm)
- + Kiến thức nửa đầu HKI= 30% (3,00 điểm), nửa sau HKI = 70% (7,00 điểm)

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ	Mức độ kiến thức kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận	Thông	Vận	Vận

				biết	hiểu	dụng	dụng cao
1	Bài 1: Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (3 tiết)	Nhận biết	- Trình bày được khái niệm nghề nghiệp. - Kể tên được một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.	3			
		Thông hiểu	- Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. - Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.				
		Vận dụng	- Xác định được yêu cầu về phẩm chất và năng lực của ngành nghề thuộc về lĩnh vực kĩ thuật công nghệ.				
2	Bài 2: Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân (2 tiết)	Nhận biết	- Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.	3			
		Thông hiểu	- Nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục				
		Vận dụng cao	- Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.				
	Bài 3: Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam (3 tiết)	Nhận biết	- Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động. -Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.	2			
		Thông hiểu	- Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay. - Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.		3		

4	Bài 4: Lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp (3 tiết)	Nhận biết	- Nhận diện được phần chính của mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp. - Nhận diện được nhóm tính cách kiểu người Nghiệp vụ, Nghiên cứu theo lý thuyết mật mã Holland. - Nêu được ý nghĩa lý thuyết cây nghề nghiệp. - Nhận diện được khái niệm của sở thích.	1			
		Thông hiểu	- Nêu được lợi ích của việc được chọn nghề nghiệp phù hợp với tính cách bản thân. - Lợi ích việc chọn nghề nghiệp phù hợp với tính cách của bản thân - Đặc điểm các nhóm tính cách, kiểu người - Ý nghĩa của lý thuyết Holland - Biết được John Lewwis Hollad. - Nhận diện được ý nghĩa không phải của lý thuyết Holland. - Biết được ý không phải phân quả. - Nhận diện được yếu tố để chọn nghề nghiệp phù hợp.	4			
		Vận dụng	- Xác định được nghề nghiệp phù hợp với N trong tình huống. - Nêu được yếu tố không phải là một phần của quá trình tự đánh giá bản thân theo lý thuyết nghề nghiệp. - Xác định được giai đoạn quan trọng nhất trong việc hình thành định hướng nghề nghiệp của cá nhân. - Xác định được ý không phải hậu quả của việc lựa chọn			4	

			nghề nghiệp không phù hợp.				
5	Bài 5: Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ (2 tiết)	Nhận biết	- Nhận diện được yếu tố chủ quan, khách quan chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Nhận diện được tầm quan trọng của bước đánh giá bản thân.				
		Thông hiểu	- Nhận diện được yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả làm việc đối với nghề nghiệp đã lựa chọn. - Nhận diện được yếu tố đánh giá bản thân trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. - Nhận diện được ý không phải quy trình lựa chọn nghề nghiệp. - Nhận diện được lí do nên chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân.		5		
		Vận dụng	- Chọn được đáp án sai về sở thích của người phù hợp với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Chọn được phát biểu sai về cá tính của người phù hợp với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Nêu được lí do sở thích là yếu tố được quan tâm khi đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp. - Nêu được lí do nhu cầu xã hội là một yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.			4	
		Vận dụng cao	- Nêu được vai trò của giáo dục và đào tạo trong việc lựa chọn nghề nghiệp.				1
			Tổng số câu hỏi các mức	9	12	8	1

